TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v:*"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **14** tháng **5** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 59/2019/TLST–HNGĐ ngày 02/4/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐHPTST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **ĐTT,** sinh năm 1982.
HKTT: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
Hiện cư trú: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
**** Bị đơn:*** Anh **NVH**, sinh năm 1974;
HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
Có mặt: Chị ĐTT.
Vắng mặt: Anh NVH *(anh H có ý kiến xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị ĐTT trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh NVH kết hôn năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 26/12/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà bố mẹ anh H tại huyện Chương Mỹ khoảng 08 tháng thì ra ở riêng nhưng vẫn sống chung 01 thửa

đất, vợ chồng ở đó được 04 năm thì ra thửa đất ruộng của gia đình xây nhà để ở. Quá trình chung sống giữa chị và anh H bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau, anh H nhiều lần chửi bới đánh đập chị vô cớ. Khoảng tháng 02/2018 anh H lại tiếp tục đánh chị làm cho chị phải nhập viện điều trị, sau khi điều trị xong chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh H để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh NVH có 03 con chung là cháu NVD sinh ngày 27/11/2001, cháu NTKN sinh ngày 04/9/2005, cháu NVC sinh ngày 27/11/2010. Hiện cháu NTKN đang ở cùng chị, trước đó cháu NVC ở cùng chị nhưng cháu đã về ở cùng anh H từ tết năm 2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi 02 con chung cháu NTKN, cháu NVC và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị hiện ở cùng bố mẹ đẻ, nhà đất rất rộng rãi thoải mái, hiện chỉ có bố mẹ chị và mẹ con chị ở đó. Chị hiện làm nhân viên khách sạn, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu. Cháu N và cháu C hiện đang học ở xã Ngọc Hòa, cách nhà bố mẹ đẻ chị 01 km nên việc đi học của các cháu không bị ảnh hưởng nếu hai cháu do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn – anh NVH vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2019 anh NVH trình bày:***

Về hôn nhân: Anh thừa nhận anh kết hôn với chị ĐTT năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ anh tại thôn Cả, xã Ngọc Hòa. Từ khoảng năm 2004 - 2005 vợ chồng ở riêng sống tại thửa đất ruộng của gia đình từ đó đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, việc vợ chồng có cãi vã nhau trong cuộc sống cũng là chuyện bình thường của mọi gia đình. Theo anh, thời gian gần đây chị T có biểu hiện mê tín dị đoan làm bát hương và cho bùa vào bát hương, khi anh phát hiện ra có nói với chị T nhưng chị T không nghe, trong khi nóng giận anh có đánh chị T (thời điểm đánh chị T vào khoảng tháng 3/2018) nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Chương Mỹ để ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh cũng đã nhiều lần đến nhà bố mẹ đẻ chị T để nói chuyện và muốn đón chị T về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung nhưng chị T không chịu về. Khi chị T bỏ đi vào tháng 3/2018 thì chị T đưa cháu NVC đi cùng, đến tết năm 2019 anh đón cháu C về ở cùng anh. Hiện cháu NTKN (con gái) đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn, anh có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn, bản thân anh cũng đã biết là sai là trong khi nóng giận có đánh chị T nhưng việc đánh chị T là vì chị T không hỏi ý kiến anh khi cho bùa vào bát hương của gia đình, nhiều lần anh đã nhận lỗi với chị T để chị T quay về cùng anh chăm sóc các con nhưng chị T không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giải thích cho chị T

để chị T quay về đoàn tụ vợ chồng. Trong trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thừa nhận, vợ chồng có 03 con chung là cháu NVD sinh ngày 27/11/2001, cháu NTKN sinh ngày 04/9/2005 và cháu NVC sinh ngày 27/11/2010. Trong trường hợp phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị ĐTT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NVH; chị T giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu NTKN và cháu NVC và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Chị ĐTT đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NVH chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐTT và cho chị ĐTT được ly hôn anh NVH; Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu NTKN và cháu NVC cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và giao cháu NVD sinh ngày 27/11/2001 cho anh NVH nuôi dưỡng cho đến khi cháu Duy tròn 18 tuổi. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NVH hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh NVH: Anh H có ý kiến xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị ĐTT và anh NVH kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 26/12/2000 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H bất đồng quan điểm sống. Theo chị T khai, anh H nhiều lần đánh đập chị vô cớ và lần gần đây nhất là vào tháng 02/2018 anh H đã đánh chị T làm cho chị T phải nhập viện điều trị và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, nay chị T cương quyết xin ly hôn với anh H. Anh H cho rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị anh H và chị T có cãi nhau là do chị T có biểu hiện mê tín dị đoan, anh H thừa nhận khoảng tháng 02/2018 anh có đánh chị T, việc anh đánh chị T là do anh nóng giận không kìm chế được và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 02/2018 cho đến nay. Xét thấy: Chị T và anh H đã ly thân được một thời gian dài (từ tháng 02/2018 đến nay), giữa chị T và anh H không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng mặc dù anh H đã nhận lỗi về việc đánh chị T nhưng chị T không đồng ý và cương quyết xin ly hôn. Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị T + anh H), nay chị T không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T được ly hôn anh H để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị ĐTT và anh NVH đều thừa nhận, vợ chồng có 03 con chung là cháu NVD sinh ngày 27/11/2001, cháu NTKN sinh ngày 04/9/2005 và cháu NVC sinh ngày 27/11/2010. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung cháu NTKN, cháu NVC và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Cháu NTKN và cháu NVC có nguyện vọng được chị T nuôi dưỡng nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị T và Cháu N, cháu C. Giao cháu NTKN và cháu NVC cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu NVD cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị ĐTT và anh NVH có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị ĐTT và anh NVH đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T và anh H cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị ĐTT và anh NVH đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị ĐTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị ĐTT được ly hôn anh NVH.

2. Về con chung: Chị ĐTT và anh NVH có 03 con chung là cháu NVD sinh ngày 27/11/2001, cháu NTKN sinh ngày 04/9/2005 và cháu NVC sinh ngày 27/11/2010.

Giao cháu NTKN sinh ngày 04/9/2005 và cháu NVC sinh ngày 27/11/2010 cho chị ĐTT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Cháu N và cháu C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Giao cháu NVD sinh ngày 27/11/2001 cho anh NVH nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị ĐTT và anh NVH có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị ĐTT và anh NVH không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị ĐTT và anh NVH cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị ĐTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị ĐTT đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003903 ngày 28 tháng 3 năm 2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị ĐTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NVH có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *Ủy ban nhân dân xã xã Ngọc Hòa, Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Hữu Trọng **Nguyễn Thị Thanh Hà**	**Nguyễn Thị Tuyết Mai**
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**